

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 15/9/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 614/2003/QĐ- NHNN ngày 16/6/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Tổng Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Trần Minh Tuấn

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân**
*(Ban hành theo Quyết định số 45/2006/QĐ-NHNN ngày 11/9/2006
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân) được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Chức năng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân

1. Hội đồng quản trị có chức năng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ban kiểm soát là bộ máy có chức năng thay mặt thành viên giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân là cơ quan có chức năng lãnh đạo thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ tín dụng nhân dân. Bộ máy điều hành gồm có Tổng giám đốc hoặc Giám đốc (sau đây gọi chung là Giám đốc), Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc).

Điều 3. Những người không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc làm Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc làm Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân:

- a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân; các tội nghiêm trọng về kinh tế;
- c) Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xoá án;
- d) Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của một doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị phá sản, trừ trường hợp tổ chức bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- d) Đã từng là đại diện theo pháp luật của một tổ chức bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- e) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- g) Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

2. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của cùng một Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Tạm đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

1. Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về kiểm soát đặc biệt đối với Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Trong khi thực hiện quyền quản trị, kiểm soát, điều hành Quỹ tín dụng nhân dân, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân bị tạm đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 3 của Quy định này;
- b) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không còn là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp Giám đốc được thuê) do thành viên là cá nhân xin ra hoặc bị khai trừ; do thành viên là pháp nhân mà pháp nhân đó đã bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d) Không còn là đại diện hợp pháp cho phần vốn góp của pháp nhân hoặc phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Vi phạm pháp luật hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc được giao nhưng không có đơn xin từ chức.

Khi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân bị rơi vào một trong các trường hợp theo quy định nói trên, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân phải gửi ngay báo cáo bằng văn bản kèm tài liệu chứng minh cụ thể về Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật.

Sau khi nhận được báo cáo của Quỹ tín dụng nhân dân, trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra thông báo tạm đình chỉ hoạt động của những người đảm nhiệm các chức danh nói trên của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước xem xét, ra thông báo tạm đình chỉ hoạt động của những người đảm nhiệm các chức danh nói trên của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

1. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành) Quỹ tín dụng nhân dân bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;

b) Bị chết;

c) Bị tạm đình chỉ hoạt động trong các trường hợp quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng thuê đối với Giám đốc trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành:

a) Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân do Hội đồng quản trị bổ nhiệm bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm, cách chức trong các trường hợp có đơn xin từ chức với lý do hợp lý hoặc bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 4 của Quy định này;

b) Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân do Hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê bị Hội đồng quản trị chấm dứt hợp đồng thuê trong các trường hợp có đơn xin chấm dứt hợp đồng thuê hoặc bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Khi Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân bị rơi vào một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm thực hiện việc thay đổi các chức danh nói trên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng thuê phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân gồm Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên trực tiếp bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành không có chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị mà chỉ có Giám đốc (cũng do Đại hội thành viên bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trực tiếp

theo thể thức bỏ phiếu kín) vừa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, vừa thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định, nhưng tối thiểu là 3 người.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quy định và được ghi trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân, nhưng tối thiểu là 2 năm và tối đa không quá 5 năm.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân (cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức) có phẩm chất đạo đức tốt, có tín nhiệm, có năng lực quản lý và hiểu biết về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột của họ.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có vốn hỗ trợ của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước cử người đại diện để tham gia thành viên Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (số lượng người đại diện do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định trong từng nhiệm kỳ).

5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật.

6. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Hội đồng quản trị được sử dụng con dấu của Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê kế toán trưởng (nếu Quỹ tín dụng nhân dân có chức danh này);

c) Quyết định cơ cấu tổ chức các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên;

đ) Chuẩn bị báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lãi của Quỹ tín dụng nhân dân, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên;

e) Xây dựng phương án về mức tiền lương, phụ cấp và mức thù lao công vụ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và các nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân;

g) Chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên;

h) Xử lý các khoản cho vay không có khả năng thu hồi và những tổn thất khác theo quy định của pháp luật;

i) Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân; duyệt báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội thành viên;

k) Tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật;

l) Xét kết nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên ra Quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp khai trừ thành viên) và báo cáo để Đại hội thành viên thông qua;

m) Đại diện chủ sở hữu tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân và doanh nghiệp trực thuộc trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân có doanh nghiệp;

n) Kiểm tra, đánh giá công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân theo các quyết định của Hội đồng quản trị;

o) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

2. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc theo nghị quyết của Đại hội thành viên;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc.

Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn trên đây, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân còn có các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các tiết b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 của Điều này.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân theo pháp luật.
2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện.
3. Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
4. Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về công việc được giao.
5. Ký các văn bản của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị.
6. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thực thi nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân trong từng thời kỳ.
4. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội thành viên và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình.
5. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Một phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Hội đồng quản trị họp bất thường để xử lý các công việc đột xuất thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

7. Chấp hành các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 10. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền) triệu tập và chủ trì. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Hội đồng quản trị có thể họp ít nhất 6 tháng một lần (Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có thể quy định định kỳ họp Hội đồng quản trị trong phạm vi thời hạn nói trên nhưng đồng thời phải có biện pháp để đảm bảo xử lý có hiệu quả các công việc của Hội đồng quản trị giữa các kỳ họp của Hội đồng quản trị). Hội đồng quản trị họp bất thường khi có một phần ba thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trong trường hợp biểu quyết mà số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì số phiếu biểu quyết của bên có người chủ trì cuộc họp là quyết định.

2. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày làm việc tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc tiếp theo để xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị không tham dự họp và có biện pháp xử lý.

3. Nội dung và kết luận của mỗi phiên họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ Biên bản; Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải có đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký phiên họp. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình, ý kiến bảo lưu được ghi vào Biên bản của phiên họp.

Điều 11. Quyền lợi của Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của Đại hội thành viên. Riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách được hưởng lương.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu là 3 người, trong đó ít nhất phải có một kiểm soát viên chuyên trách; Đối với những Quỹ tín dụng nhân dân có số thành viên và nguồn vốn hoạt động bằng hoặc nhỏ hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước, Đại hội thành viên có thể quyết định lựa chọn việc chỉ bầu một kiểm soát viên chuyên trách hoặc bầu Ban kiểm soát cho phù hợp điều kiện thực tế. Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát quy định. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có vốn hỗ trợ của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước có thể cử người đại diện để tham gia thành viên Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (nếu xét thấy cần thiết).

2. Trưởng Ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát của Quỹ tín dụng nhân dân do Đại hội thành viên bầu trực tiếp theo thể thức bỏ phiếu kín.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân và phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị em ruột của họ.

5. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

7. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần do Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, cuộc họp của Ban kiểm soát thực hiện theo kỳ họp của Hội đồng quản trị.

8. Ban kiểm soát được sử dụng con dấu của Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo pháp luật.

2. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân, nghị quyết Đại hội thành viên, nghị quyết Hội đồng quản trị; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc và thành viên Quỹ tín dụng nhân dân theo đúng pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Kiểm tra về hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân, sử dụng tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát sự an toàn trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Trưởng Ban hoặc đại diện Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không tham gia biểu quyết.

6. Yêu cầu những người có liên quan trong Quỹ tín dụng nhân dân cung cấp tài liệu, sổ sách chứng từ và những thông tin cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác.

7. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ (nếu có) của Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

8. Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường khi có một trong các trường hợp sau:

a) Khi Hội đồng quản trị (bao gồm cả Chủ tịch và các thành viên), Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng kế toán), các nhân viên chuyên môn nghiệp vụ và thành viên Quỹ tín dụng nhân dân có hành vi vi phạm

pháp luật, Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết của Đại hội thành viên. Ban kiểm soát đã yêu cầu mà Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn;

b) Trong trường hợp có ít nhất một phần ba tổng số thành viên cùng có đơn yêu cầu triệu tập Đại hội thành viên gửi đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ đơn, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường; nếu quá thời hạn này mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thì Ban kiểm soát phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết các vấn đề nêu trong đơn.

9. Thông báo cho Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Giám đốc khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
2. Lập chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý, năm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.
4. Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
5. Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, của Quy định này và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.
6. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 13 của Quy định này.
7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công ít nhất một tháng một lần (đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương một quý một lần) và có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát cho Trưởng ban kiểm soát.
2. Kịp thời phát hiện và báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát về những sai phạm,

những sự kiện bất thường trong lĩnh vực được phân công; trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiện nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm.

3. Chịu trách nhiệm trước Ban Kiểm soát, trước Đại hội thành viên, trước pháp luật về những đánh giá và kết luận của mình, về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân thuộc lĩnh vực được phân công.

4. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo sự phân công, ủy quyền của Trưởng Ban kiểm soát và quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 16. Quyền lợi của Trưởng Ban và các thành viên khác trong Ban Kiểm soát

Trưởng Ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát được hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Riêng Trưởng ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và kiểm soát viên chuyên trách được hưởng lương (nhưng không phải là nhân viên nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân) theo quyết định của Đại hội thành viên.

Mục 3

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 17. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

1. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân là người lãnh đạo bộ máy điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng nhân dân. Khi vắng mặt, Giám đốc ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành công việc của Quỹ tín dụng nhân dân.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành, Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thuê người không phải là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân. Việc Quỹ tín dụng nhân dân thuê Giám đốc được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và pháp luật có liên quan.

2. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân phải có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực điều hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân không được tham gia điều hành ở các tổ chức kinh tế khác (bao gồm các doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật doanh nghiệp); không phải là công chức nhà nước, không tham gia lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tại địa phương.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị nêu tại Điều 8 của Quy định này.

2. Thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, phân công các chức danh trong Quỹ tín dụng nhân dân, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị.

5. Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng nhân dân.

6. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị.

7. Đề nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức Quỹ tín dụng nhân dân.

8. Tuyển dụng lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

a) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân;

c) Đề nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Tuyển dụng lao động theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng nhân dân theo ủy quyền của Hội đồng quản trị;

e) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;

g) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về công việc được giao;

h) Thực hiện các quyền khác được quy định tại Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân. Nghị quyết Đại hội thành viên hoặc theo hợp đồng lao động ký kết với Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Trường hợp Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị thì ngoài việc phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định tại khoản 1 của Điều này, phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Giám đốc được thuê thì phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 của Điều này và tại Hợp đồng thuê Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân đã ký kết. Giám đốc được tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội thành viên nhưng không được quyền biểu quyết và không được hưởng các quyền khác của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

1. Phó Giám đốc là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân, đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành thì Phó Giám đốc phải là thành viên Hội đồng quản trị (riêng đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, việc xem xét quyết định Phó Giám đốc là thành viên hoặc không phải là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương quy định) và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

Số lượng Phó Giám đốc do Đại hội thành viên Quỹ tín dụng nhân dân quyết định.

2. Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc;
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân và của thành viên Hội đồng quản trị (nếu là thành viên Hội đồng quản trị);
- c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác do Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ máy điều hành và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

3. Thay đổi Phó Giám đốc:

- a) Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân không được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ khi có đơn xin từ chức với lý do hợp lý, không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, vi phạm pháp luật hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc được giao;
- b) Việc thay đổi Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân quyết định theo đề nghị của Giám đốc.

Mục 4

CHUẨN Y CÁC CHỨC DANH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 21. Hồ sơ đề nghị chuẩn y các chức danh

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội thành viên thông qua việc bầu các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, các thành viên khác trong Ban kiểm soát hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị họp có nghị quyết bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê Giám đốc (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành), Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước gồm:

1. Tờ trình của Hội đồng quản trị đề nghị chuẩn y các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ

máy vừa quản lý vừa điều hành), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, các thành viên khác trong Ban kiểm soát hoặc tờ trình đề nghị chuẩn y Giám đốc được bổ nhiệm hoặc thuê (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành).

2. Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc bầu các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, các thành viên khác trong Ban kiểm soát; Nghị quyết của Đại hội thành viên và Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành); trường hợp thuê Giám đốc thì hồ sơ phải đính kèm hợp đồng thuê Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Bản khai lý lịch trích ngang theo mẫu quy định (bản chính) kèm theo Quy định này của những người được đề nghị chuẩn y chức danh được bầu, bổ nhiệm hoặc thuê.

4. Bản sao văn bằng đã được công chứng của những người được đề nghị chuẩn y chức danh được bầu, bổ nhiệm hoặc thuê.

5. Các văn bản liên quan khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (nếu xét thấy cần thiết).

Điều 22. Chuẩn y các chức danh

1. Các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y hoặc ủy quyền chuẩn y.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

2. Sau Đại hội thành viên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch hoặc Giám đốc (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành) và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành) được tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu, được bổ nhiệm hoặc thuê; đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội thành viên về việc thực hiện công việc được giao.

3. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 21 của Quy định này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét, quyết định chuẩn y các chức danh (nếu đảm bảo quy định) hoặc có văn bản yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, giải trình tiếp hồ sơ. Trường hợp quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, giải trình tiếp hồ sơ mà Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân không hoàn chỉnh được hồ sơ theo yêu cầu thì Ngân hàng Nhà nước sẽ không xem xét đối với các chức danh được đề nghị chuẩn y đó. Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân đã hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ nhưng Ngân hàng Nhà nước không chuẩn y chức danh theo như đề nghị thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do không chuẩn y.

4. Những người đã được bầu, bổ nhiệm hoặc được thuê giữ chức danh tại Quỹ tín dụng nhân dân nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sẽ không được tiếp tục đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu, bổ nhiệm hoặc thuê. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và những người trong bộ máy điều hành còn lại của Quỹ tín dụng nhân dân phải chịu trách nhiệm trước thành viên, trước pháp luật và Ngân hàng Nhà nước trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, đồng thời phải khẩn trương tiến hành ngay các thủ tục để bầu, bổ nhiệm hoặc thuê người khác đảm nhiệm các chức danh còn thiếu hoặc chưa đủ theo quy định tại Quy định này và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chuẩn y.

5. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc, Quỹ tín dụng nhân dân phải thông báo danh sách những người

đảm nhiệm các chức danh đã được chuẩn y với cơ quan đăng ký kinh doanh và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy định này, các Quỹ tín dụng nhân dân ban hành và triển khai thực hiện các Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, của Ban Kiểm soát và của Bộ máy điều hành để đảm bảo cho Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động đúng theo quy định của pháp luật./.

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC

Trần Minh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4 x 6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận
lý lịch

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

(Phải có các nội dung chủ yếu sau)

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường dùng:
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Nguyên quán:
- Hộ khẩu thường trú hiện nay:

(Trường hợp cá nhân là người đại diện của pháp nhân phải kê khai tên và địa chỉ pháp nhân).

a) Quá trình hoạt động bản thân:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính:
- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo, các văn bằng, chứng chỉ được cấp):
- Khen thưởng:
- Kỷ luật:

b) Chức vụ được bầu, bổ nhiệm hoặc thuê (đang trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y) tại Quỹ tín dụng nhân dân:

2. Quan hệ gia đình

Khai rõ, cụ thể về bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (cần ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người):

3. Cam kết trước pháp luật

Cam kết không vi phạm một trong các quy định tại Điều 3 của Quy định về tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân ban hành theo Quyết định số...../2006/QĐ-NHNN ngày..... tháng..... năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

4. Chữ ký (ghi đầy đủ họ tên) của người khai

5. Xác nhận của thủ trưởng cơ quan (nếu người khai lý lịch trích ngang đang làm việc tại pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu người khai lý lịch trích ngang không làm việc tại pháp nhân)/.